

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021			Năm 2022	
			Kế hoạch 2021	Ước thực hiện năm 2021	So với kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH so với ước thực hiện năm 2021
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chỉ tiêu kinh tế						
1	Tốc độ tăng GRDP (giá ss 2010)	%	8,5	6,32	Không đạt	7-7,5	7-7,5
2	Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành)	%	100	100	Không đạt	100	
	- Nông, lâm, thủy sản	%	20,7	24,69			
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	41,6	43,61		44	
	- Dịch vụ	%	37,7	31,70		32	
	+ Trong đó kinh tế số	%		3,4		5	
3	GDP bình quân đầu người	Tr.đồng	72,6	74,1	Vượt kế hoạch	81,2	109,6
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	29.000	29.988	Vượt kế hoạch	36.300	121
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	3.100	3.500	Vượt kế hoạch	3.850	110
6	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	1.700	2.190	Vượt kế hoạch		
7	Thu ngân sách (thu nội địa và XNK)	Tỷ đồng	13.000	12.810	Xấp xỉ đạt kế hoạch	13.150	103
8	Chi ngân sách	Tỷ đồng	15.750	15.410	Xấp xỉ đạt kế hoạch		
9	Thu hút đầu tư						
	- Thu hút đầu tư nước ngoài	Triệu USD	400	600	Vượt kế hoạch	400	67
	- Thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	10.000	10.000	Đạt kế hoạch	10.000	100
10	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	1.200	1.020	Không đạt	1.100	108
11	Số hợp tác xã thành lập mới trong năm	HTX	30	40	Vượt kế hoạch	30	75
II	Chỉ tiêu xã hội, môi trường						
12	Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	2.000	2.000	Đạt kế hoạch	2.000	100
13	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<3	<3	Đạt kế hoạch	<3	Duy trì
14	Lao động được giải quyết việc làm	Người	38.000	38.000	Đạt kế hoạch	39.000	102,6
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	61	61	Đạt kế hoạch	64	Tăng 3 điểm % tỷ lệ
16	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	37,88	34	Không đạt	45,1	Tăng 11,1 điểm % tỷ lệ
17	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	29	28,5	Xấp xỉ đạt kế hoạch	29	101,8
18	Số bác sỹ / vạn dân	Bác sỹ	8,5	8,5	Đạt kế hoạch	8,6	101,2
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	12	12	Đạt kế hoạch	10	83,3
20	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91	91	Đạt kế hoạch	92	Tăng 1 điểm % tỷ lệ
21	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	33	33,29	Vượt kế hoạch	35	Tăng 5 điểm % tỷ lệ
22	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm trong năm	Xã	10	10	Đạt kế hoạch	7	Giảm 3 xã
23	Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%	98,4	98,4	Đạt kế hoạch	98,8	Tăng 0,4 điểm % tỷ lệ
24	Tỷ lệ che phủ rừng chung	%	75,22	75,22	Đạt kế hoạch	75,6	Tăng 0,38 điểm % tỷ lệ
25	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt kế hoạch		